

Cảm Ứng Thiên Vững Biên

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

(Bài 38)

(Chánh văn 44 – tiếp theo): Cang cường bất nhân, ngân lệ tự dụng.

(Nghĩa là: Ương bướng bất nhân, độc ác, tàn nhẫn, tự cho là đúng).

(Nhạc)

Câu thứ 2 tiếp theo: “Ngân lệ tự dụng” (là độc ác, tàn nhẫn, tự cho là đúng).

Đời Tống, Vương An Thạch hẹp hòi, đồ kỵ, giả vờ hiền thiện, giấu ác, kéo bè kết đảng để trừ khử những kẻ khác ý, cường từ đoạt lý, tự cho mình [là người có phẩm đức tốt đẹp] như Cao, Quỳ, Tắc, Khế¹. [Thật ra, hắn ta là] nhân tài khiến cho chánh sự bại hoại, là kẻ mang tâm lòng phá hoại học thuật!

¹ Cao là Cao Đào. Ông Cao là một vị đại thần nổi danh trông coi về hình pháp.

Quỳ là tên viên quan nổi tiếng hiền năng, trông coi về lễ nhạc (do sử không chép đầy đủ tên họ, nên không biết ông này họ là gì).

Tắc là Hậu Tắc, người trông coi nông nghiệp.

Khế là tên quan Tư Đồ, trông coi về giáo dục.

Những vị này đều là bày tôi hiền năng của vua Thuần.

Trong tác phẩm Tam Kinh Tân Nghĩa và Tự Thuyết của hần, những chỗ hủy báng, vu vạ, miệt thị thánh nhân, phá nát đại đạo, không chỉ là một điều!

Kinh Xuân Thu phân định chánh đáng danh phận [vua tôi, cha con...], đặt định tiêu chuẩn khen chê (đánh giá các nhân vật lịch sử), khiến cho bọn loạn thần, tặc tử kinh sợ; Vương An Thạch khiến cho người học chẳng nghiên cứu kinh Xuân Thu.

Sử Ký và Hán Thư chép những chuyện thành, bại, an nguy, sanh tử, tồn vong, bình trị, loạn lạc, chính là những tấm gương soi, là khuôn phép cho cõi đời. Vương An Thạch khiến cho người học chẳng đọc Sử Ký, Hán Thư.

[Đối với chuyện] Dương Hùng² không kết tội Vương Mãng soán đoạt phê phán kịch liệt nhà Tần, ca tụng nhà Tân, Vương An Thạch bèn viết: “Phù hợp với cách nói ‘*vô khả*, *vô bất khả*’³ của Không Tử”.

² Dương Hùng là người Tứ Xuyên, sống vào thời Tây Hán, hiếu học, có tài ăn nói, học rộng, có thể coi là một bậc học giả thời ấy.

Ông ta viết rất nhiều sách và có nhiều bộ nổi tiếng như Thái Huyền, Phương Ngôn, Pháp Ngôn (v.v...)

Do vì tham đắm địa vị, ông ta không phê phán Vương Mãng soán đoạt nhà Hán lập ra nhà Tân là phản nghịch, lại còn dùng lời lẽ biện minh cho hành động ấy.

Quá đáng hơn nữa là Dương Hùng còn phỏng theo tác phẩm Phong Thiện Văn của Tư Mã Tương Như để phê phán Tần Thủy Hoàng, ca tụng công đức của Vương Mãng.

³ “*Vô khả, vô bất khả*”: Trong thiên Vi Tử sách Luận Ngữ có đoạn: “*Dật dân, Bá Di, Thúc Tề, Ngụ Trọng, Di Dật, Châu Trương, Liễu Hạ Huệ, Thiệu Liên. Tử viết: - Bất giáng kỳ chí, bất nhục kỳ thân, Bá Di, Thúc Tề*

Đối với chuyện Phùng Đạo thờ bốn họ, tám vua⁴, Vương An Thạch bèn viết: “Khéo tránh nạn để bảo toàn cái thân”,

du? Vị Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên, giáng chí nhục thân hỹ, ngôn trung luân, hành trung ngu, kỳ tư nhi dĩ hỹ. Vị Ngu Trọng, Di Dật, ẩn cư phóng ngôn, thân trung thanh, phước trung quyền. Ngã tắc dị ư thị, vô khả, vô bất khả”

(Đối với những bậc ẩn sĩ như Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Châu Trương, Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên, Khổng Tử nói:

“Chẳng hạ thấp chí hướng, chẳng khuất nhục thân phận của chính mình, phải là Bá Di, Thúc Tề đấy ư?

Nói đến Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên thì bọn họ đã hạ thấp chí hướng, khuất nhục thân phận, chỉ là ăn nói phù hợp luân lý, hành xử phù hợp lý trí, họ chỉ làm được như vậy mà thôi.

Nói đến Ngu Trọng, Di Dật thì họ ẩn cư, ăn nói tự do, giữ thân trong sạch, từ chối quan chức, đấy cũng là hợp lý trí.

Ta chẳng giống họ, không gì là có thể, không gì là chẳng thể).

⁴ Phùng Đạo sống vào thời Ngũ Đại, khéo luồn lách nên làm tể tướng hoặc các chức quan cao cấp dù triều đại thay đổi. Hễ vương triều này bị xóa sổ, hắn khéo léo luồn lách, bỏ đờ để rồi lại vinh hiển, phú quý trong triều đại mới.

Ở đây, Cảm Ứng Thiên ghi là “*bốn họ, tám vua*”, thật ra Phùng Đạo làm quan cao chức cả suốt năm triều đại, tám gia tộc, mười ba đời vua! Dân gian châm biếm gọi ông ta là Trường Lạc Lão Nhân, hoặc Bất Đảo Ông (con lật đật).

Chẳng hạn, ông ta làm tể tướng cho Lý Tự Nguyên (nhà Hậu Đường, tức Đường Minh Tông). Khi Đường Minh Tông mất, con nuôi của tân hoàng đế Lý Tùng Hậu là Lý Tùng Kha làm phản, đoạt ngôi của Lý Tùng Hậu, khiến Lý Tùng Hậu phải chạy sang nương nhờ Thạch Kính Đường. Thay vì xuống chiếu cần vương, Phùng Đạo nhanh chóng dẫn đầu các quan ra tiếp đón, nịnh bợ tân hoàng đế. Tuy không được trọng dụng, hắn vẫn giữ các chức Tiết Độ Sứ rồi Tư Không.

khiến cho hàng công khanh đều vâng theo lời ấy, chẳng có khí tiết, trung nghĩa.

Thoạt đầu, An Thạch đối xử hòa hảo với các bậc hiền thần. Do tranh chấp về “tân pháp” chẳng hợp ý, hấn đều bài xích, lưu đày họ. Con trai của hấn là Bàng còn nói:

- Chặt đầu Hàn Kỳ, Phú Bật ngoài chợ, tân pháp mới thực hành được.

Như vậy thì có thể biết Vương An Thạch là hạng người như thế nào!

Về sau, do người công kích [tân pháp] quá đông, hấn càng thêm ngạo mạn, hung hãn, phóng túng, hoang đường, bảo:

- Diêm trời biến đổi chẳng đáng sợ, lời người khác [phê phán] chẳng đáng quan tâm, pháp tắc của tổ tiên chẳng đáng tuân thủ.

Tội nặng nề, điều ác ngập tràn. Con trai duy nhất của Vương An Thạch là Bàng lưng mọc nhọt độc, chết yểu. Hấn đau thương khôn cầm, nhiều lần lấy có bệnh tật xin từ chức. Về sau, Tống Thần Tông chán ghét, bãi chức hấn ta. Trên là không được vua sủng ái, dưới là buồn bã vì tuyệt tự, giữa là bị người đời ghét bỏ. Những bậc hiền năng bị hấn bài xích, xua đuổi trước kia, nối tiếp nhau nắm quyền, phế sạch tân pháp của hấn. Vương An Thạch hổ thẹn, sợ hãi mà chết.

(Nhạc)

Khi Thạch Kính Đường diệt Lý Tùng Kha, lập ra nhà Hậu Tấn, Phùng Đạo lại nhanh chóng bợ đỡ tân vương, được phong làm Tể Tướng. Khi Da Luật Đức Quang xua quân xuống miền Nam diệt nhà Tấn, Phùng Đạo lại nhanh chóng tìm cách luồn lách, trở thành Thái Sư của nhà Liêu...

(Chánh văn 45) Thị phi bất đáng, hướng bối quai nghi.

(正文)是非不當，向背乖宜。

(Tạm dịch: Chẳng phân biệt đúng sai, hành xử không thích đáng).

(Nhạc)

Câu thứ nhất: “Thị phi bất đáng” (là Chẳng phân biệt đúng sai),

Bậc quân tử khiến cho căn cội nhân nghĩa tăng trưởng phong phú, củng cố phòng vệ lễ nghĩa, sẽ có công năng thẩm định tốt, xấu, phân định thích đáng đúng, sai.

Đối với mỗi người, đúng sai có liên quan đến điều thiện, lẽ ác của chính người đó.

Đối với một làng, đúng sai sẽ có liên quan đến điều lợi, lẽ hại của làng ấy.

Đối với thiên hạ, đúng sai liên quan đến sự an nguy trong thiên hạ.

Há có thể chẳng thận trọng, cứ khinh suất [hành xử] chẳng thích đáng, coi sai là đúng, coi đúng là sai ư?

Đời Tống, Doãn Sư Lỗ giữ mình, dạy người, khẳng định đúng sai chánh xác, chẳng có gì phải giấu giếm, chẳng làm chuyện cầu thả, chỉ chú trọng hết sức phù hợp đạo lý. Khi lâm chung, ông viết thư từ biệt Phạm Văn Chánh Công (tức là Phạm Trọng Yên). Văn Chánh bươn bả tới nơi, ông đã tắm rửa, đội mũ, thắt đai, ngồi ngay ngắn qua đời. Văn Chánh Công đau đớn, khóc lóc. Ông lại mở mắt, bảo:

- Đã từ biệt ông rồi, sao ông lại tới đây để làm gì? Sống chết là lẽ thường hằng, sao Hy Văn⁵ chẳng hiểu vậy?

Nói xong, lại chấp tay [từ biệt], qua đời. Thuở ấy, [đạo đức, học vấn] của ông Doãn được người đương thời học theo. Nếu chẳng thấu hiểu cùng tận tinh vi thì trong lúc tử sanh, những chuyện dấy lên quấy nhiễu ta sẽ nhiều lắm! Nói “*nhập đạo vận dụng cả tri lẫn hành, nhưng tri càng quan trọng hơn*” chính là nói đến lẽ này.

Đời Tống, Thái Kinh làm Tể Tướng trong các niên hiệu Nguyên Hựu và cuối niên hiệu Nguyên Phù⁶, đã cáo buộc tể tướng Tư Mã Quang, thị thần⁷ như Tô Thức v.v... quan văn như Trình Di v.v... quan võ như Vương Hiến Khả v.v... [tổng cộng] một trăm hai mươi người là gian đảng, xin hoàng đế hạ chiếu, khắc tên họ lên đá ở cửa Đoan Lễ và các châu huyện [để công bố tội trạng]. Dân chúng đều bất bình. Không lâu sau, bia đá bị sấm sét đánh nát. Thái Kinh cũng do có chuyện [phạm tội mà bị] lưu đầy rồi chết.

(nhạc)

Câu thứ 2: “*Hướng bồi quai nghi*” (là hành xử không thích đáng).

⁵ Hy Văn là tên tự của Phạm Trọng Yêm. Theo cổ lễ, đối với mỗi người, ngoại trừ cha mẹ và thầy dạy, hoặc khi còn bé thì mới gọi tên thật. Sau khi một thanh niên đã làm lễ gia quan, đặt tên tự, ngay cả vua cũng không gọi thẳng tên thật khi nói chuyện với người đó, mà thường gọi bằng tên tự.

⁶ Nguyên Hựu (元祐) là niên hiệu của Tống Triết Tông từ năm 1086 đến năm 1094; Nguyên Phù (元符) là niên hiệu của Tống Triết Tông từ năm 1098 đến năm 1100.

⁷ Thị thần (侍臣) là các quan bày tôi thân cận, thường là cố vấn thân cận.

“*Hướng*” (向) là hãy nên hướng đến, thuận theo, có nghĩa là phải thuận theo, hướng đến những cái được gọi là “*hảo nhân, hảo sự*”.

“*Bối*” (背) là hãy nên trái nghịch, chống lại những thứ được gọi là “*tà nhân, tà sự*”.

Hướng theo tà, trái nghịch chánh thì gọi là “*quai nghi*” (乖宜, tức là chẳng hợp lẽ, chẳng thích đáng). Sơ sót nhất thời, suốt đời thân bại danh liệt, há có thể chẳng cân trọng ư?

Đời Đường, Tống Thân Tích làm Tể Tướng dưới triều vua Đường Văn Tông. Do thấy Trịnh Chú quá chuyên quyền, [Thân Tích] muốn trừ bỏ, bèn cậy người bạn là Vương Phan đang làm quan Kinh Triệu Lệnh (tức là quan trông coi kinh thành, giống như đô trưởng hiện thời) ngầm theo dõi xem Trịnh Chú có làm chuyện gì chẳng đúng pháp tắc hay không. Vương Phan do Trịnh Chú [cất nhắc] mà được phú quý, bèn cáo giác âm mưu ấy với hắn. Trịnh Chú sợ hãi, vu cáo ngược lại Tống Thân Tích có hành vi sai trái, [ép vua] đày [Thân Tích] đi làm Tư Mã ở Khai Châu (nay là Khai Huyện, tỉnh Tứ Xuyên). Thân Tích ôm niềm phần hận mà chết.

Về sau, Tống phu nhân mộng thấy Tống Thân Tích dẫn tới một cái hồ ở ngoài thành. Trong hồ có mấy người tử tù. [Thân Tích] chỉ một gã bảo vợ:

- Đây là Vương Phan, ta đã thỉnh cầu Thượng Đế [trừng phạt hắn].

Nhân đấy, phần nộ quát tháo. Phu nhân kinh hãi, tỉnh giấc, thầm ghi nhớ [chuyện ấy]. Không lâu sau, Lý Huân và Trịnh Chú mưu giết hoạn quan, xin vua sai bọn [hoạn quan]

đến doanh trại Kim Ngô để xem cam lộ⁸. [Trước đó, Lý Huân và Trịnh Chú] đã sai mấy người như Vương Phan v.v... dẫn quân đến đó [phục sẵn] để giết bọn hoạn quan. Vương Phan run lẩy bẩy chẳng dám tiến. Rốt cuộc âm mưu thất bại, hắn bị chém ngang lưng ngoài chợ. Có mấy người đều cùng bị chém, chôn ở ngoài thành.

Đời Tống, Trung Túc Lưu Chí⁹ từng luận định mười điều tai hại của phép trợ dịch¹⁰. Vương An Thạch trách ông Lưu là

⁸ Thời ấy, bọn hoạn quan có quyền lực rất lớn, lũng đoạn triều chánh, lấn hiếp các quan văn võ. Đường Văn Tông (Lý Ngang) không cam lòng bị hoạn quan khống chế, đã âm mưu với Lý Huân và Trịnh Chú tính giết sạch những đứa thủ lãnh của bọn hoạn quan. Vào ngày Hai Mươi Một tháng Mười Một năm Thái Hòa thứ chín, Đường Văn Tông viện cớ đi xem trời hiện ra cam lộ ở trên cây trong hoàng cung, hạ lệnh cho các triều thần và hoạn quan phải cùng đi xem, sai bọn thủ lãnh hoạn quan sang doanh trại Kim Ngô (quân cảnh vệ hoàng thành) sắp đặt trị an để thừa cơ dùng phục binh giết chết chúng. Trước đó, Trịnh Chú đã sai Vương Phan sắp sẵn phục binh tại doanh trại Kim Ngô, ước hẹn khi bọn thái giám vào doanh, sẽ ủa ra giết sạch không tha.

Do Vương Phan nhút nhát, chần chừ, khiến cho thủ lãnh bọn hoạn quan là Cừ Sĩ Lương phát giác. Họ Cừ bèn điều quân đến để đánh nhau với quân cấm vệ, đôi bên giao chiến kịch liệt. Cuối cùng, Lý Huân, Vương Nhai, Thư Nguyên Dư, Vương Phan đều thảm bại. Đường Văn Đế bị bọn hoạn quan biến thành bù nhìn, từng rơi lệ than thở với Trục Học Sĩ Châu Tri: “Trẫm bị lũ gia nô khống chế, cảnh ngộ còn tệ hơn Châu Noãn Vương, Hán Hiến Đế”. Do vậy, vua uất ức thành bệnh, qua đời khi mới ba mươi hai tuổi.

⁹ Vị này tên thật là Lưu Chí, thụy hiệu là Trung Túc. Theo cách nói tôn trọng thời cổ, thường xen thụy hiệu vào giữa tên và họ, nên Cảm Ứng Thiên mới chép là Lưu Trung Túc Chí.

¹⁰ Trợ Dịch là một trong các biện pháp trong chánh sách tân pháp của Vương An Thạch, cho phép những kẻ sẵn tiền có thể bỏ tiền thuê người đi lao dịch thay. Lao dịch là hình thức trưng công lao động tập thể trong những công trình công ích lớn như đắp đê, sửa đường, sửa cầu (v.v...)

kẻ hành xử không thích đáng, giáng ông xuống trông coi Tư Nông Tự¹¹. Vua xuống chiếu, ra lệnh cho ông phân tích [nguyên nhân vì sao phản đối]. Ông thưa:

- Thân hướng theo lẽ trung trực, phản đối tà nịnh. Hướng theo đạo nghĩa, phản đối [chỉ chú trọng] lợi lộc. Hướng đến đức vua, phản đối kẻ quyền thần gian trá. Mặc tội như thế, cố nhiên là thân đáng phải chịu. Nhưng phép trợ dịch rớt cuộc gây hại cho thiên hạ, xin bệ hạ đừng quên lời thần [tâu trình]”.

Ai này đều lo sợ cho ông, riêng ông chẳng đoái hoài. Về sau, ông làm Tể Tướng. Ông Lỗ nói:

- Hướng theo cái đáng nên hướng theo, đừng nên hướng theo lẽ riêng tư. Chống đối những cái đáng nên chống đối. Chống đối cũng phải vì lẽ công chánh. Thoạt đầu, đừng tính toán họa phước [cho cá nhân], mà họa phước thuận theo. Chuyện này cũng nhằm cảnh tỉnh những kẻ không làm như ông Lưu mà cam tâm làm Vương Phan vậy.

(Nhạc)

(Chánh văn 46) Ngược hạ thủ công, siểm thượng hy chỉ.

(正文)虐下取功，諂上希旨。

(Tạm dịch: Ngược đãi kẻ dưới để lập công, nịnh bợ kẻ trên để đón ý [cầu lợi]).

(Nhạc)

¹¹ Tư Nông Tự là cơ quan trông coi việc nông nghiệp, gần như tương đương với bộ Nông Nghiệp hiện thời.

Câu thứ nhất: “Ngược hạ thủ công” (là Ngược đãi kẻ dưới để lập công,)

Đuốc vào ban đêm sẽ có công dụng trừ diệt tối tăm. Thuyền gặp nước, ắt có công dụng chở vật. Đại để, nước chảy thành sông ngòi, công năng sẽ tự thành tựu; vì thế, chẳng cần phải chiếm lấy. Nếu cố ý tranh giành [hòng lập công], ắt kẻ làm tướng sẽ dung túng cho quân lính cướp bóc, giết chóc; kẻ làm nha lại sẽ xằng bậy tăng thêm thuế khóa, lao dịch; kẻ làm quan trông coi hình pháp sẽ ghép thêm nhiều tội cho người khác, sẽ đều chẳng đoái hoài, thương tiếc, mặc sức mà làm! Nhưng những hành vi như thế ấy đều là lấy máu mỡ của dân chúng để đổi lấy công danh cho một người! Có được công trạng, chẳng qua là thăng quan, họa cũng xảy tới, há chỉ là sát thân? Người tuy cực ngu, chắc chắn chẳng đến nỗi ấy! Chẳng nhìn vào những tấm gương của cổ nhân đó ư?

Đời Tống, Tào Bân hạ thành trì [của nhà Nam Đường] ở Giang Nam, chẳng tàn sát một ai.

Đời Hán, Cấp Âm giả chiếu chỉ để mở kho [thóc cứu đói], cứu sống mấy vạn người.

Đời Hán, Vu Định Quốc làm Đình Úy, dân chúng chẳng bị phán xử oan uổng. Trong thuở ấy, có vị nào chẳng phải là công thần bậc nhất?

Thời Đường Huyền Tông, chi tiêu ngày càng xa xỉ. Vua lại không muốn lấy tiền từ công khó¹² để cung ứng. Viên

¹² “Công khó”: Nguyên văn “*tả hữu tàng*” (左右藏). Đây chính là hai cái kho, thuộc loại quốc khố. Kho ở bên trái (tả tàng) chứa tiền bạc, vải vóc, lụa là, tiền thuế. Kho bên phải (hữu tàng) chứa các thứ vàng ngọc, châu báu, đồng sắt, ngà voi, xương thú, tranh vẽ.

Ngoại Lang của bộ Hộ¹³ là Vương Hồng biết ý vua, bèn đục khoét dân chúng, [tặng thêm] những món tiền bạc ngoài hạn ngạch tuế cống¹⁴ lên đến trăm ức vạn, đều chứa trong nội kho để cung ứng cho chi dụng [của hoàng đế]. Vua tưởng hắn có tài năng làm giàu cho đất nước, bèn phong cho hắn làm Thái Phỏng Sứ¹⁵ ở kinh đô. Không lâu sau, lại phong cho hắn làm Hộ Bộ Thị Lang kiêm Kinh Triệu Doãn, nhưng trong ngoài đều kêu ca, oán thán. Chẳng bao lâu, do bị liên lụy bởi em trai là Vương Đạc [phạm tội], hắn được ban tội chết.

¹³ Hộ Bộ (戶部) là một trong sáu bộ. Bộ này chịu trách nhiệm quản trị đất đai, hộ tịch, thuế khóa, tài chánh. Viên Ngoại Lang (員外郎) có nghĩa gốc là quan viên nằm ngoài chức chánh và phó của một cơ quan hành chánh. Đây là chức quan phò tá cho Thượng Thư và Thị Lang của mỗi bộ. Về sau, những nhà giàu có cũng được gọi là Viên Ngoại.

¹⁴ Tuế cống (歲貢): Những khoản lễ vật bắt buộc phải dâng lên vua hàng năm từ các chư hầu và các thuộc quốc. Thuộc quốc không nhất thiết là các nước bị Trung Hoa xâm chiếm, mà là các nước nhỏ độc lập xung quanh phải cống nạp mỗi năm bao nhiêu đó để Trung Hoa không viện cớ xâm lăng.

Việt Nam tuy độc lập từ thời Ngô Quyền, nhưng vì để tránh bị Trung Hoa phát động chiến tranh xâm lược liên miên, đã phải tuế cống mỗi năm rất tốt kém. Họ đòi vàng, bạc, những sản phẩm quý hiếm như ngà voi, sừng tê giác, trầm hương, sâm, quế, nhung, cao hổ cốt, trái vải, lụa là, đồ sứ, cà cuống... Nói chung là những thứ quý hiếm, ngon lạ đều bị vua quan Trung Hoa hạch sách, đòi hỏi. Thậm chí dưới thời nhà Lê, vào những năm đầu, do quân Lê Lợi giết chết tướng nhà Minh, các vua Lê phải đúc tượng vàng to bằng người thật để triều cống.

¹⁵ Thái Phỏng Sứ (采訪使) gần như tương đương với chức tỉnh trưởng hiện thời. Đời Đường, chia toàn bộ lãnh thổ thành mười lăm đạo. Mỗi đạo tương đương với một tỉnh hiện thời, mỗi đạo đặt quan đứng đầu gọi là Thái Phỏng Xử Trí Sứ, thường gọi tắt là Thái Phỏng Sứ.

Đời Tống, Vương Thiệu đề nghị khai phá vùng Hy Hà¹⁶, giết người quá nhiều, tích lũy công trạng làm tới chức Xu Mật Sứ. Hắn lại thường có ý giết chết người già và trẻ thơ của dân tộc Khương đã đầu hàng để lấy thủ cấp cho bọn hương thân mạo nhận công trạng hồng nhận lãnh chức tước. Lúc về già, hắn hồi hận, đem chuyện nhân quả hỏi các vị trưởng lão. Mọi người đều nói:

- Do phép vua mà giết người, giống như thuyền đi lại đè chết ốc, trai, tất nhiên là vô tâm.

Chỉ có Điều Cảnh Thuần bảo:

- Chỉ sợ là chẳng dối gạt tự tâm được. Nếu đã chẳng màng đến tự tâm, ắt sẽ chẳng hỏi!

Vương Thiệu càng sợ, sau lưng sanh ra nhọt độc, luôn miệng kêu gào:

- Vô số kẻ bị chặt đầu, chặt chân đòi mạng.

[Ghẻ độc] ăn sâu như cái hố lan thủng ngực, hắn bèn chết. Con trai trưởng của hắn học máu chết tươi, con trai út do phạm tội mà bị chặt đầu, gia môn tuyệt diệt.

(nhạc)

Người dân huyện Chân Dương là Trương Ngũ ăn trộm trâu, những người làng như Hồ Đạt v.v... bắt được, Trương Ngũ bị Hồ Đạt đánh chết. Những tên trộm khác vu cáo Hồ Đạt cướp bóc, thưa lên huyện. Áp lệnh (tức là quan huyện) là Ngô Mạo muốn tranh công, hạch tội nhóm Hồ Đạt gồm mười hai người phạm tội cường đạo giết người. Do bị tra khảo khốc liệt, họ phải chấp nhận lời vu cáo ấy.

¹⁶ Hy Hà nay là huyện Lâm Thao tỉnh Cam Túc.

Trong số đó, có hai người là Châu Khuê và Trương Vận bị bệnh chết. Đã trình lên phủ, giao việc ấy cho cơ quan tư pháp.

Khi ấy, Trương Văn Quy trông coi về tư pháp tại Anh Châu, xét thấy ngôn ngữ và vẻ mặt của các tù nhân [dường như] chẳng phải là kẻ thật sự phạm tội. Khi đã tra hỏi rõ tình hình, lại bắt phe đảng trộm trâu ra đối chứng. Án đã được phán định. Hồ Đạt do đuổi trộm mà giết người, bị phạt đánh trượng vào lưng. Những người khác đều bị đánh vào mông. Châu Khuê và Trương Vận [được phán] vô tội. Mưu kế của Ngô Mạo chẳng thành, hấn học máu chết ngắc.

Về sau, Trương Văn Quy bỗng bị bệnh nặng, [thần hồn] tới một dinh thự. Trưởng quan hỏi về chuyện của Ngô Mạo, bèn thưa trình đúng sự thật. Trưởng quan bảo:

- Ta đã biết tường tận chuyện này, nay cậy khanh tới đây để làm chứng hòng kết thúc vụ án, cốt ý là thẩm tra sự thật vậy.

Văn Quy trông thấy Ngô Mạo ở đằng xa, đang bị gông cùm quỳ dưới đất. Châu Khuê và Trương Vận đứng bên cạnh. Nha lại lấy ra văn thư, chỉ cho Văn Quy thấy phần cuối có ba chữ “*thêm một kỷ*”. Ông tỉnh lại, bèn lành bệnh. Về sau, đến lúc bảy mươi tám tuổi, lại mộng thấy thần bảo:

- Trước kia ông đã được tăng thọ mười hai năm, ông lại giảm tội một người bị chém thành tội xử giáo (tức là treo cổ), nên được thọ thêm nửa kỷ (tức là sáu năm) nữa.

Quả nhiên, [Trương Văn Quy] tám mươi ba tuổi mới mất.

(nhạc)

Câu thứ 2: “Siểm thượng hy chỉ” (là nịnh bợ kẻ trên để đón ý [câu lợi]).

“Siểm” (諂) là nịnh hót, “hy” (希) là tán trợ. Ý cấp trên chưa quyết, còn có thể vẫn hỏi, chỉ vì có kẻ đón ý xu nịnh mà [cấp trên] trở thành kiên quyết, chẳng thể lay chuyển.

Nay không chỉ là bày tôi đối với vua, mà còn là thuộc cấp đón ý bợ đỡ thủ trưởng, thân sĩ đón ý bợ đỡ quan phủ, nha dịch đón ý bợ đỡ trưởng quan, nô bộc, tỳ thiếp đón ý bợ đỡ gia chủ thì đều là [“siểm thượng hy chỉ”].

Phàm những kẻ làm cấp trên, đối với mọi chuyện đều nên tuân theo lý, hãy cẩn trọng, chớ nên tham cầu lợi lộc riêng tư, khiến cho kẻ khác có kẽ hở để luôn lách. Kẻ làm cấp dưới, há có nên mong cầu công danh chẳng đúng lý, mong mỗi sẽ may mắn hưởng tiền tài bất nghĩa! Hãy nên biết a dua, xúi giục cấp trên, uốn mình luôn cúi, chỉ tỏ đánh mất bản tâm, kết oán nghiệp vô cùng!

Trong niên hiệu Tuyên Đức nhà Minh, [Minh Tuyên Tông] đã từng sai Thái Giám Vương Tam Bảo¹⁷ xuống các

¹⁷ Thái Giám Vương Tam Bảo tức là Trịnh Hòa. Ông này vốn tên là Mã Văn Bân, tự là Hòa, vốn thuộc sắc tộc dân thiểu số Sắc Mục (Semu) tại Côn Dương, tỉnh Vân Nam.

Mã ở đây là họ theo lối Hán Hóa chữ Mohamed của những người theo đạo Hồi tại Trung Hoa. Do Trịnh Hòa có tên thuở bé là Tam Bảo, nên thường được gọi là Tam Bảo Thái Giám. Do làm thái giám theo hầu Yên Vương Châu Đệ (Minh Thành Tổ) có công, Mã Văn Hòa được thăng làm Nội Quan Thái Giám, được ban họ là Trịnh. Năm Vĩnh Lạc thứ ba, Trịnh Hòa phụng mạng Minh Thành Tổ, cùng với bọn Vương Cảnh Hoảng đi sứ các nước Tây Dương, đem theo đội thuyền hơn hai trăm chiếc, biểu dương thanh thế, lực lượng thủy quân của đoàn thuyền ấy có tới hơn hai vạn

nước phiên thuộc ở vùng Tây Dương tìm kiếm các thứ báu vật lạ lùng¹⁸.

Trong niên hiệu Thiên Thuận¹⁹ có kẻ tâu xin hoàng đế lại sai người [xuống các nước Tây Dương]. Triều đình sai Binh Bộ tra cứu các tài liệu cũ [về những chuyến sứ trình ấy]. Khi ấy, Hạng Trung đang trông coi Binh Bộ, sai thuộc hạ tra cứu. Lang Trung là Lưu Đại Hạ tới kho trước, giấu sạch tài liệu. Các nha lại không tìm được gì, kiến nghị ấy phải xếp xó. Hạng Trung trách cứ nha lại:

- Tài liệu ở trong kho, sao lại bị mất?

Lưu Công mỉm cười nói:

- Trước kia, khi [Trịnh Hòa đem quân] xuống các nước Tây Dương, tốn phí gạo tiền mấy chục vạn, quân dân bị chết

người. Chuyến đi ấy nhằm dọa dẫm các nước trong vùng, thực hiện chính sách “*viễn giao cận công*” (có nghĩa là: xa thì ngoại giao, gần thì tấn công) của nhà Minh, đồng thời sưu tập những thứ hiếm lạ đem về cho nhà vua.

Chuyến hải trình này kéo dài hai mươi tám năm, vừa củng cố thanh thế của Trung Hoa tại các nước hải ngoại, vừa nhằm tạo điều kiện cho người Hoa chiếm lĩnh những vùng buôn bán béo bở tại các nước có thế lực quân sự yếu hơn Trung Hoa. Do vậy, người Hoa thờ ông ta gọi là Bồn Đầu Công, thường gọi thông tục là ông Bồn.

¹⁸ “Tây Dương” là chữ người thời Minh gọi các nước hoặc lãnh thổ ở quanh vùng biển Nam Hải và Ấn Độ Dương như Việt Nam, Mã Lai, Thái Lan, Sumatra, Java, Sri Lanka, bán đảo Ả Rập (v.v...)

Trước sau, Trịnh Hòa đã “*hạ Tây Dương*” bảy lần, có lần đi xa tới tận eo biển Mozambique của châu Phi. Trong năm 1431 của niên hiệu Tuyên Đức thời Minh Tuyên Tông, Trịnh Hòa đã dẫn hạm đội tuần hành Tây Dương lần cuối cùng trước khi chết vào hai năm sau đó.

¹⁹ Thiên Thuận là niên hiệu của Minh Anh Tông từ năm 1457-1464.

không đếm xiết. Dầu tìm được của báu, vô ích cho đất nước. Đối với chuyện tòi tệ này, bậc đại thần hãy nên thống thiết can gián. Nếu tài liệu cũ hãy còn, cũng nên hủy đi để trừ căn cội [gây họa] ấy, há còn truy hỏi có hay không nữa chẳng?

Ông Hạng tạ tội, bảo:

- Ta suy nghĩ nông cạn, chẳng nghĩ đến lễ này. Một lời này của ông, âm đức động trời. Địa vị này sẽ thuộc về ông vậy.

Về sau, quả nhiên là như thế.

Vâng ạ thời gian đã hết bài hôm nay chúng ta sẽ kết thúc ở đây.

(nhạc)

Chúc bạn

Không làm các việc ác
Mỗi năm được bình an
Siêng làm các việc lành
Năm nào cũng như ý

Website: www.duongdenhanhphuc.vn
Kênh Youtube: duongdenhanhphuc

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!